

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2026/HS-PT

Ngày: 13/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các thẩm phán: Ông Phùng Anh Dũng

Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 07/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Ngô Đình Sa V cùng đồng phạm về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2025/HS-ST ngày 22/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Đình Sa V, sinh ngày 22/11/1981 tại Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn N, xã B, tỉnh Gia Lai); chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn M, xã B, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô A, sinh năm 1947 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1950; vợ: Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1986, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 03/10/2024, đến ngày 31/12/2024 hủy bỏ biện pháp “Tạm giam”, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

2. Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 06/6/1973 tại Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình C (Chết) và bà: Nguyễn Thị H (chết); vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1971; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1995 và nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ

chức”. Đã xóa án tích. Bị bắt tạm giam ngày 03/10/2024, đến ngày 31/12/2024 hủy bỏ biện pháp “Tạm giam”, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

3. Huỳnh Ngọc D1, sinh ngày 12/12/1986 tại Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn B, xã T, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Ngọc T2, sinh năm: 1962 và bà: Lê Thị T3, sinh năm: 1960; vợ: Phan Thị H1, sinh năm: 1994, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

4. Dương Thanh C4, sinh ngày 20/12/1984 tại Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); nơi cư trú: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn N, phường B, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch UBND xã N; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn N1, sinh năm: 1961 và bà: Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1965; vợ: Nguyễn Thị Phương Q, sinh năm: 1991, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo là đảng viên – Phó Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ 2020-2025, chủ tịch UBND xã N nhiệm kỳ 2021-2026. Ngày 08/5/2025, Thị ủy A1 (cũ) đã ra Quyết định số 4071-QĐ/TU đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Dương Thanh C4 để phục vụ cho công tác xét xử theo quy định của pháp luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đình Sa V, Nguyễn Đình Đ, Huỳnh Ngọc D1; Luật sư Đinh Thanh D2 – Công ty L4; địa chỉ: Số D V, Phường N, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/9/2023, Công ty TNHH S2 (gọi tắt là Công ty S2, địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định, do bà Nguyễn Thị Thanh N làm Giám đốc nhưng mọi hoạt động của Công ty đều do Ngô Đình Sa V (chồng của N) quản lý, điều hành) và Công ty Cổ phần - (đơn vị thi công gói thầu 12-XL Dự án công trình tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn qua địa phận A) ký kết Hợp đồng số 1509 về việc vận chuyển đồ thải vật liệu không thích hợp (đất thải) của gói thầu về bãi đổ thải, vị trí đổ tại công trình khu công nghiệp H (C, P, Bình Định).

Để thực hiện hợp đồng trên, Ngô Đình Sa V thuê Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Phạm H4 (sinh năm 1999, trú T, N, A, Bình Định, con rể của Đ), Võ Ngọc Á1 (sinh năm 1989, trú tổ D, P, P, T, Bình Định) quản lý, điều hành một xe máy đào và các xe tải tự đổ khai thác, vận chuyển đồ thải vật liệu không thích hợp. Ngô Đình Sa V thuê Đặng Duy P (sinh năm 1974, trú tổ B, V, N, N, Khánh Hòa) theo dõi sổ sách, thống kê khối lượng, số lượng các xe vận chuyển phục vụ hoạt động kinh doanh chung của Công ty S2. Ngoài ra, Nguyễn Phạm H4, Võ Ngọc Á1 còn lập các nhóm Zalo tên “Xe Nhà H4”, “Gia Đình” để các lái xe thông báo, cập nhật hoạt động vận chuyển hàng ngày để Đ, H4, Á1 theo dõi; sau đó, Đ, H4, Á1 báo lại số chuyên chở hàng ngày của từng xe cho Đặng Duy P ghi sổ; căn cứ vào sổ

của P, Ngô Đình Sa V thanh toán tiền với Đ, H4, Á1.

Lợi dụng việc thực hiện hợp đồng trên, trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2024 đến 29/5/2024, Ngô Đình Sa V điều hành Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Phạm H4, Võ Ngọc Á1 tổ chức khai thác cát trái phép tại lòng sông Kôn khu vực chân cầu đường bộ cao tốc B1 thuộc địa phận thôn M, xã N, thị xã A (ngoài phạm vi thi công dự án đường C) để bán cho người khác nhằm thu lợi. Theo đó, dưới sự chỉ đạo của Ngô Đình Sa V, Nguyễn Đình Đ điều hành một xe máy đào do Huỳnh Ngọc D1 lái mức cát cho Nguyễn Đình Đ và các đối tượng Nguyễn Phạm H4, Võ Ngọc Á1 để chở đi bán cho một số cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định với giá từ 1.300.000 đồng - 2.600.000 đồng/xe. Theo thỏa thuận, các đối tượng Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Phạm H4, Võ Ngọc Á1 phải trả cho Ngô Đình Sa V từ 1.200.000 đồng - 1.500.000 đồng/xe cát tùy theo tải trọng xe. Đêm ngày 29/5/2024 khi các đối tượng đang tổ chức khai thác cát trái phép tại khu vực nêu trên thì bị Công an thị xã A kiểm tra phát hiện, lập biên bản và tạm giữ phương tiện gồm 01 xe máy đào và 08 xe ô tô tải tự đổ. Cụ thể:

1. Đối với Nguyễn Đình Đ và Huỳnh Ngọc D1

Nguyễn Đình Đ thuê Huỳnh Ngọc D1 điều khiển 01 xe máy đào để mức cát trái phép và điều hành 04 xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-042.28, 77C224.38, 77C-236.65, 81C-114.62 để chở cát khai thác trái phép đi bán kiếm lời, cụ thể:

* Nguyễn Đình Đ sở hữu 01 xe máy đào, bánh xích, hiệu Hitachi; Đệ thuê Huỳnh Ngọc D1 điều khiển để mức cát trái phép với tiền công 500.000 đồng/ngày.

1/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-042.28 (kích thước thùng xe 14,9 m³) do Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1971, trú L, B, T, vợ của Đ) đứng tên chủ sở hữu, Đ là người quản lý, sử dụng. Đệ thuê Nguyễn Đình Q1 (sinh năm 2001, trú L, B, T) lái xe, chở 19 chuyến với 283,1m³ cát đi bán. Đ khai bán cho Hà Nguyễn Thụy Thùy T4 (sinh năm 1981, quản lý Công ty TNHH T14 tại C, P) với giá 1.300.000 đồng/chuyến, bà T4 chưa trả tiền.

2/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-224.38 (kích thước thùng xe 16,7 m³), Đ mua lại của Lê Văn T5 (sinh năm 1974, trú C, P, Bình Định) chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Đệ thuê Phan Minh C1 (sinh năm 1979, trú H, P, T) lái xe để chở đất thải; ngoài ra, Đ còn bán cát khai thác trái phép cho C1 để xây nhà với 283,9m³ cát (17 chuyến, giá 500.000 đồng/chuyến), tiền mua cát trừ vào tiền công mà Đ thuê C1 lái xe.

3/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-236.65 (kích thước thùng xe 14,2 m³) do Nguyễn Trí N2 (sinh năm 2003, trú L, B, T, con trai của Đ) đứng tên chủ sở hữu, Đ là người quản lý, sử dụng. Đệ thuê Huỳnh Ngọc T6 (sinh năm 1983, trú thôn B, B, T) lái xe, chở 81 chuyến với 1.150,2m³ cát đi bán. Đ khai bán cho Đoàn Thế H3 (sinh năm 1973, chủ Trạm trộn bê tông tại C, P thuộc Công ty TNHH T15) 50 chuyến với 710m³ cát; bán cho Hà Nguyễn Thụy Thùy T4 29 chuyến với 411,8m³ cát; bán cho Trần Thị T7 (sinh năm 1975, quản lý Công ty TNHH T16 tại thị trấn T, huyện T) 02 chuyến với 28,4m³ cát; giá từ 1.300.000 đồng - 2.200.000 đồng/chuyến, các đối tượng chưa trả tiền cho Đ.

4/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 81C-114.62 (kích thước thùng xe 13,8 m³) do Công ty TNHH L5, địa chỉ: thị trấn C, huyện C, Gia Lai là chủ sở hữu, đại diện theo pháp luật: ông Trương Vỹ L (sinh năm 1992, trú tại 942 H, thị trấn C, huyện

C, tỉnh Gia Lai). Trương Vũ L cho Nguyễn Đình Đ thuê xe với mục đích vận chuyển đồ thải vật liệu không thích hợp; Đ chỉ thuê xe, còn L thuê Võ Long C2 (sinh năm 6 1997, trú thị trấn C, huyện C, Gia Lai) lái xe và trả lương hàng tháng cho C2. Ngoài việc chở đất thải, Đ còn chỉ đạo, điều hành C2 chở chuyển cát khai thác trái phép với khối lượng 372,6m³, Đ khai bán cho Đoàn Thế H3 15 chuyến với 207m³ cát; bán cho Hà Nguyễn Thụy Thùy T4 05 chuyến với 69m³ cát; bán cho Trần Thị T7 03 chuyến với 41,4m³ cát; bán cho Huỳnh Văn Á (chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Tư Thanh tại P, T) 04 chuyến với 55,2m³ cát; giá từ 1.300.000 đồng - 2.200.000 đồng/chuyến; Á đã trả tiền mua cát là 9.360.000 đồng (04 chuyến), các đối tượng còn lại chưa trả tiền cho Đ.

Đêm ngày 29/5/2024, các xe 77H-042.28, 81C-114.62, 77C-236.65 đang ở hiện trường chờ mức cát đi bán thì bị Công an thị xã A kiểm tra, phát hiện và tạm giữ.

Như vậy, tổng khối lượng cát mà Nguyễn Đình Đ đã chỉ đạo Huỳnh Ngọc D1 điều khiển xe máy đào khai thác trái phép để Đ bán lại cho người khác là 2.089,8m³, trị giá 219.429.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu, bốn trăm hai mươi chín triệu đồng).

Ngoài ra, Đ còn điều hành D1 lái xe máy đào khai thác cát trái phép cho Nguyễn Phạm H4 (2.524,8m³, trị giá 256.104.000 đồng) và cho Võ Ngọc Á1 (1.343,3m³, trị giá 141.046.500 đồng). Như vậy, tổng cộng Nguyễn Đình Đ đã điều hành Huỳnh Ngọc D1 lái xe máy đào khai thác trái phép tổng cộng 5.957,9m³ cát (= 2.089,8m³ + 2.524,8m³ + 1.343,3m³), với tổng trị giá 625.579.500 đồng (= 219.429.000 đồng + 256.104.000 đồng + 141.046.500 đồng) (Sáu trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc bán cát là 9.360.000 đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

2. Đối với Nguyễn Phạm Hưng

Nguyễn Phạm Hưng điều hành 05 xe ô tô tải biển kiểm soát 81C-180.27, 77H-012.45, 77H-045.00 (sau này đổi biển kiểm soát thành 77C-236.63), 77H011.84 (sau này đổi biển kiểm soát thành 77C-236.17), 35H-015.15 để chở cát khai thác trái phép đi bán kiếm lời, cụ thể:

1/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 81C-180.27 (kích thước thùng xe 13,8 m³) do Công ty TNHH L5, địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai là chủ sở hữu, đại diện theo pháp luật: ông Trương Vũ L (sinh năm 1992, trú tại 942 H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai). Trương Vũ L cho H4 thuê xe, H4 thuê Phan Minh H5 (sinh năm 1973, trú H, P, T) lái xe, chở 92 chuyến với 1.269,6 m³ cát đi bán. H4 khai bán cho Đoàn Thế H3 69 chuyến với 952,2m³ cát; Hà Nguyễn Thụy Thùy T4 10 chuyến với 138m³ cát; Trần Thị T7 13 chuyến với 179,4m³ cát; giá từ 1.300.000 đồng - 2.200.000 đồng/chuyến; T7 đã trả tiền mua cát 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), các đối tượng còn lại chưa trả tiền cho H4.

2/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-012.45 (kích thước thùng xe 14,2 m³) do Nguyễn Anh T8 (sinh năm 1989, trú T, N, A) là chủ sở hữu. Thức bán xe này cho Lê Ngọc T9 (sinh năm 1993, trú H, 7 N, A) nhưng không có giấy tờ mua bán vì xe đang thế chấp tại Ngân hàng. Lê Ngọc T9 cho Nguyễn Phạm H4 thuê xe, H4 thuê Trần Văn H6 (sinh năm 1974, trú thôn B, B, T) lái xe, chở 34 chuyến với

482,8 m³ cát đi bán. H4 khai bán cho Đoàn Thế H3 20 chuyến với 284m³ cát; H 13 chuyến với 184,6m³ cát; Huỳnh Văn Á 01 chuyến với 14,2m³ cát; giá từ 1.300.000 đồng - 2.200.000 đồng/chuyến; Á đã trả tiền mua cát 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng), các đối tượng còn lại chưa trả tiền cho H4.

3/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-236.63 (kích thước thùng xe 14,8 m³) do Trần Ngọc L1 (sinh năm 1968 trú T, T, T) là chủ sở hữu. Lý cho Phạm Văn N3 (sinh năm 1986 trú cùng thôn) thuê xe, rồi N3 cho Nguyễn Phạm H4 thuê; H4 thuê Hồ Thanh V1 (sinh năm 1985, trú T, B, T) lái xe, chở 39 chuyến với 577,2 m³ cát đi bán. H4 khai bán cho Đoàn Thế H3 15 chuyến với 222m³ cát; bán cho Hà Nguyễn Thụy Thùy T4 12 chuyến với 177,6m³ cát; bán cho Trần Thị T7 08 chuyến với 118,4m³ cát; bán cho Huỳnh Văn Á 4 chuyến với 59,2m³ cát; giá từ 1.300.000 đồng - 2.200.000 đồng/chuyến. Tròn đã trả tiền mua cát 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), Á đã trả tiền mua cát 8.320.000 đồng (Tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng); các đối tượng còn lại chưa trả tiền cho H4.

4/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-236.17 (kích thước thùng xe 14,8 m³) do Phạm Văn N3 là chủ sở hữu. N3 cho H4 thuê xe, H4 thuê Võ Đình T10 (sinh năm 1987, trú T, T, T) lái xe, chở 09 chuyến với 133,2m³ cát đi bán. H4 khai bán cho Đoàn Thế H3 05 chuyến với 74m³ cát; Trần Thị T7 04 chuyến với 59,2m³ cát; giá từ 1.300.000 đồng - 2.200.000 đồng/chuyến. Tròn đã trả tiền mua cát 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), H3 chưa trả tiền cho H4.

5/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 35H-015.15 (kích thước thùng xe 15,5 m³) do Nguyễn Phạm H4 mua lại từ Công ty TNHH T17 (địa chỉ tại tỉnh Ninh Bình) nhưng chưa sang tên chủ sở hữu. H4 thuê Trần Đức T11 (sinh năm 1992, trú T, N, A) lái xe, chở 04 chuyến với 62m³ cát đi bán. H4 khai bán cho Đoàn Thế H3 với giá 1.500.000 đồng/chuyến, H3 chưa trả tiền cho H4.

Đêm ngày 29/5/2024, các xe 81C-180.27, 77H-012.45, 77C-236.63 đang ở hiện trường chờ mức cát đi bán thì bị Công an thị xã A kiểm tra, phát hiện và tạm giữ.

Như vậy, tổng khối lượng cát khai thác trái phép mà Nguyễn Phạm H4 đã bán lại cho người khác là 2.524,8m³, trị giá 265.104.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm lẻ bốn nghìn đồng). H4 thu lợi bất chính 62.920.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Đối với Võ Ngọc Ánh

Võ Ngọc Ánh điều hành 06 xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-239.51, 77C194.95, 77C-243.41, 60C-331.81, 77H-019.15, 77H-019.87 để chở cát khai thác trái phép đi bán kiếm lời, cụ thể:

* 03 (ba) xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-239.51, 77C-194.9577E-243.41 do Nguyễn Hồng P1 (sinh năm 1987, trú 89 Huỳnh Thị Đ1, thị trấn V, huyện V) thuê của Nguyễn Đức H7 (sinh năm 1991, trú A L, Q), rồi P1 cho Ánh thuê lại để chở vật liệu thải không thích hợp; lái xe do P1 thuê và điều hành; ngoài ra, P1 còn cho Á1 thuê xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-33181 của Nguyễn Anh P2 (sinh năm 1991, trú Đ, thị trấn V, huyện V, em ruột P1):

1/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-33181 (kích thước thùng xe 17,4 m³) do Bùi Thị B (sinh năm trú phường B, TP., Đồng Nai) là chủ sở hữu; Nguyễn Anh P2 mua lại xe này nhưng chưa sang tên chủ sở hữu. Khi Ánh có nhu cầu thuê xe

thì P1 thống nhất với P2 cho Á1 thuê; P1 thuê Trương Cẩm L2 (sinh năm 1985, trú V, V) lái xe và trả tiền lương hàng tháng cho L2 từ tháng 01-3/2024. Từ tháng 4-5/2024, P2 là tài xế lái xe này được Ánh điều hành đã chở 10 chuyến với 174m³ cát đi bán. Á1 khai bán cho Lê Thái H8 (sinh năm 1968, chủ doanh nghiệp tư nhân V2 ở C, P, Bình Định) với giá 1.200.000 đồng/chuyến, H8 chưa trả tiền cho Á1.

2/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-239.51 (kích thước thùng xe 14,2 m³): Phong thuê Đỗ Tiến H9 (sinh năm 1978, trú Đ, thị trấn V, huyện V) lái và trả tiền lương hàng tháng. Sau thời gian chở vật liệu thải không thích hợp, Á1 điều hành H9 chở 19 chuyến với 269,8 m³ cát đi bán; Anh khai bán cho Lê Thái H8, H8 chưa trả tiền.

3/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-194.95 (kích thước thùng xe 14,8 m³): Phong thuê Nguyễn Anh S (sinh năm 1979, trú Đ, thị trấn V, huyện V) lái và trả tiền lương hàng tháng. Sau thời gian chở vật liệu thải không thích hợp, Á1 điều hành S chở 12 chuyến với 177,6m³ cát đi bán; Á1 khai bán cho Lê Thái H8, H8 chưa trả tiền.

4/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-243.41 (kích thước thùng xe 14,2 m³): P1 thuê Trương Cẩm L2 lái và trả tiền lương hàng tháng. Ánh điều hành L2 chở 21 chuyến với 298,2m³ cát đi bán; Á1 khai bán cho Lê Thái H8, H8 chưa trả tiền.

* 02 (hai) xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-019.15, 77H-019.87 do Đoàn Thế D3 (sinh năm 1972, trú tại B P, thành phố Q, tỉnh Bình Định) là chủ sở hữu. Diễn thuê Trần Trung N4 (sinh năm 1983, trú tại A, N, thị xã A) và Nguyễn M (sinh năm 1990, trú L, N, thị xã A) lái. Ánh điều hành việc chở cát của 02 xe này như sau:

Trần Trung N4 quen biết Đỗ Tiến H9 (lái xe 77C-239.51) và khi biết H9 tham gia chở cát cho Võ Ngọc Á1 đi bán thì N4 nói Đoàn Thế D3 biết. Sau đó, D3 liên lạc với H9 nhờ giới thiệu cho xe của D3 được đến chở cát. H9 nói lại cho Nguyễn Đức H7, rồi H7 báo cho Ngô Đình Sa V cho 02 xe này tham gia chở cát. Sau đó, H9 nói Võ Ngọc Á1 biết việc 02 xe này cũng sẽ chở cát. Sau mỗi ngày chở cát, N4 báo số chuyến đã chở của 02 xe 77H-019.15 và 77H-019.87 cho H9 để H9 báo cho Á1, rồi Á1 báo cho Đặng Duy P ghi sổ để theo dõi, cụ thể:

5/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-019.15 (kích thước thùng xe 13,7 m³): Đoàn Thế D3 thuê Trần Trung N4 lái và trả tiền lương hàng tháng. N4 đã chở tổng cộng 26 chuyến xe với 365,2m³ cát đi bán. Á1 khai bán cho Lê Thái H8 09 chuyến với 123,3m³ cát; bán cho Nguyễn Tấn P3 (ở A, N, A) 04 chuyến với 54,8m³ cát; bán cho Nguyễn Hoàng Quốc H10 (ở L, N, A) 05 chuyến với 68,5m³ cát; bán cho Huỳnh Đình C3 (ở A, N, A) 08 chuyến với 109,6m³ cát. N4 đã nhận tổng cộng 35.800.000 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) tiền bán cát; trong đó nhận của Nguyễn Tấn P3 7.200.000 đồng; Nguyễn Hoàng Quốc H10 11.000.000 đồng; Huỳnh Đình C3 17.600.000 đồng; Lê Thái H8 chưa trả tiền; N4 đưa lại số tiền này cho Đoàn Thế D3.

6/ Xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-019.87 (kích thước thùng xe 13,5 m³): Đoàn Thế D3 thuê Nguyễn M (sinh năm 1990, trú L, N, A) lái và trả tiền lương hàng tháng. Trong quá trình Trần Trung N4 chở cát bán nêu trên, Nam còn hướng dẫn M chở tổng cộng 05 chuyến với 67,5m³ bán cho Nguyễn Hoàng Quốc H10

(ở L, N, A) 02 chuyển với 27m³ cát; bán cho Phan Thanh T12 (ở A, N, A) 02 chuyển với 27m³ cát; bán cho một người tên H5 (ở Phường B, A) 01 chuyển với 13,5m³ cát. N4 đã nhận tổng cộng 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) tiền bán cát; trong đó nhận của Nguyễn Hoàng Quốc H10 4.400.000 đồng; Phan Thanh T12 4.400.000 đồng; H5 2.200.000 đồng. Sau khi nhận số tiền tổng cộng 11.000.000 đồng từ việc bán cát; N4 đưa lại số tiền này cho Đoàn Thế D3.

Đêm ngày 29/5/2024, các xe 77C-243.41, 77H-019.15 đang ở hiện trường chờ mức cát đi bán thì bị Công an thị xã A kiểm tra, phát hiện và tạm giữ.

Như vậy, tổng khối lượng cát khai thác trái phép mà Võ Ngọc Á1 đã bán lại cho người khác là 1.343,3m³, trị giá 141.046.500 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng). Các nơi mua cát chưa trả tiền cho Võ Ngọc Á1; Đoàn Thế D3 thu lợi 46.800.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) từ việc bán cát.

4. Đối với Ngô Đình Sa V

Ngô Đình Sa V là người chủ mưu tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động khai thác cát trái phép. Vi chỉ đạo, điều hành Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Phạm H4, Võ Ngọc Á1 sử dụng xe máy đào, các xe ô tô tải để khai thác trái phép và bán lại số cát này cho Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Phạm H4, Võ Ngọc Á1 để các đối tượng tiếp tục bán lại cho người khác nhằm thu lợi bất chính. Như vậy, Ngô Đình Sa V phải chịu trách nhiệm đối với tổng cộng 5.957,9m³ cát, trị giá 625.579.500 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm đồng). Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Phạm H4, Võ Ngọc Á1 đều chưa trả tiền mua cát cho Ngô Đình Sa V.

5. Đối với Dương Thanh Cường

Dương Thanh Cường được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã N, thị xã A nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 81 Luật Khoáng sản quy định nhiệm vụ của UBND cấp xã như sau: “Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khoáng sản trái phép; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn; Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản; Báo cáo UBND cấp trên trực tiếp tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn; Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

Theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã N, nhiệm vụ quyền hạn của Phó Bí thư đảng uỷ, Chủ tịch UBND xã là Chỉ đạo xây dựng thực hiện các kế hoạch, biện pháp bảo vệ tài nguyên môi trường.

Ngày 29/01/2024, UBND xã N ký kế hoạch và thành lập Tổ kiểm tra, giám sát, quản lý, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn xã N do Dương Thanh C4 làm Tổ trưởng, Nguyễn Kim L3 - Phó Chủ tịch UBND xã N và ông Lê Công T13 - Trưởng Công an xã N cùng làm Tổ phó. Ngày 06/3/2024, Đảng uỷ xã N có văn bản chỉ đạo UBND xã: tăng cường kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm các trường hợp khai thác cát trái phép trong lòng sông Kôn trên địa bàn.

Theo kết quả điều tra, từ ngày 19/4/2024 đến 29/5/2024, Ngô Đình Sa V cầm

đầu cùng các đối tượng Nguyễn Phạm H4, Nguyễn Đình Đ, Võ Ngọc Á1 tổ chức khai thác cát trái phép tại lòng sông Kôn khu vực gần chân cầu đường bộ cao tốc Bắc - Nam thuộc địa phận thôn M, N, A (ngoài phạm vi đường cao tốc). Trong thời gian đó, ngày 03/5/2024, ông Nguyễn Kim L3 - Phó Chủ tịch UBND xã N nhận được tin phản ánh của người dân về việc các đối tượng khai thác cát trái phép tại khu vực trên và báo cáo cho ông Dương Thanh C4 biết. Sau đó, tổ công tác của UBND xã N gồm: ông Nguyễn Kim L3, ông Quách Ngọc H11 - công chức địa chính xã cùng các thành phần có liên quan tiến hành kiểm tra, phát hiện tại hiện trường có 01 (một) xe máy đào đang mức cát dôn thành đống, không phát hiện có phương tiện vận chuyển nên đã lập biên bản đối với Huỳnh Ngọc D1 – người điều khiển xe máy đào, tạm giữ phương tiện vì có dấu hiệu khai thác khoáng sản trái phép. Sau khi lập hồ sơ vụ việc, ông Quách Ngọc H11 báo cáo đề xuất, tham mưu cho ông Dương Thanh C4 để chỉ đạo. Tuy nhiên, Dương Thanh C4 không tổ chức tiến hành xác minh, xử lý vụ việc theo quy định pháp luật mà ra quyết định trả lại phương tiện vi phạm (xe máy đào) cho đối tượng vào ngày 04/5/2024, dẫn đến Ngô Đình Sa V cùng các đối tượng tiếp tục khai thác cát trái phép tại khu vực nêu trên. Dương Thanh C4 - Chủ tịch UBND xã N là Tổ trưởng tổ kiểm tra xử lý vi phạm khai thác khoáng sản trên địa bàn nhưng đã không làm hết trách nhiệm được giao, buông lỏng quản lý, không chỉ đạo tổ chức xác minh xử lý vụ việc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm, để các đối tượng tiếp tục khai thác cát trái phép trên địa bàn trong thời gian dài từ ngày 07/5/2024 đến 29/5/2024 với 2.952,4m³ cát, trị giá 310.002.000 đồng (Ba trăm mười triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng), gây bức xúc dư luận.

- Tại Kết luận giám định số 184 ngày 02/8/2024 của Liên đoàn địa chất T18 kết luận: Mẫu cát giám định là khoáng sản cát, sử dụng làm cốt liệu cho bê tông và vữa; làm vật liệu xây dựng thông thường như san lấp nền đường giao thông, nền nhà và nền các công trình xây dựng.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 66 ngày 04/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định kết luận:

Nguyễn Phạm H4 đã khai thác bán trái phép 2.524,8 m³ khoáng sản cát trị giá 265.104.000 đồng; Võ Ngọc Á1 đã khai thác bán trái phép 1.343,3m³ khoáng sản cát trị giá 141.046.500 đồng; Nguyễn Đình Đ khai thác bán trái phép 2.089,8m³ cát trị giá 219.529.000 đồng; Ngô Đình Sa V đã tổ chức cho các đối tượng nêu trên khai thác bán khoáng sản cát trái phép với khối lượng 5.957,9m³ trị giá 625.579.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ:

1) 01 (một) xe máy đào bánh xích, màu cam, hiệu HITACHI.

2) 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, màu xanh, nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 77H-042.28, số máy: WD61547151107010787, số khung: LZZ5EXSA1FN085870. Xe ô tô được niêm phong theo quy định.

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 77000588 cấp cho xe ô tô biển số 77H-042.28, số máy: WD61547151107010787, số khung: LZZ5EXSA1FN085870 do Công an huyện T cấp ngày 26/4/2023. - 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: EB 0761378 do Trung tâm Đ2 Chi nhánh Công ty

TNHH T19 cấp ngày 26/4/2024 cho xe ô tô tải biển số 77H-042.28, số máy: WD61547151107010787, số khung: LZZ5EXSA1FN085870.

3) 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, màu xanh, nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 77C-236.65, số máy: D103850230407000727, số khung: LZZ1EXSBXPN035848.

4) 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, màu đỏ, nhãn hiệu HYUNDAI, biển kiểm soát 81C-114.62, số máy: D6CF41E4EC000889, số khung: LS1D476D9E0000805.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016668 cấp cho xe ô tô biển số 81C-114.62; số máy: D6CF41E4EC000889, số khung: LS1D476D9E0000805 do Phòng C5 - Công an tỉnh G cấp ngày 06/12/2016. 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: EB 1086345 do Công ty Cổ phần kiểm định xe ô tô Cường Thiện cấp ngày 12/5/2024 cho xe ô tô tải biển số 81C-114.62, số máy: D6CF41E4EC000889, số khung: LS1D476D9E0000805.

- 01 (một) giấy bảo hiểm tự nguyện số AD23/0565844 do Tổng Công ty cổ phần B2- Công ty B3 cấp ngày 13/5/2024 cho xe ô tô tải biển số 81C-114.62.

5) 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, màu đỏ, nhãn hiệu HYUNDAI, biển kiểm soát 81C-180.27, số máy: D6CF36E4FC003302, số khung: LS1D476D6G0003406.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 046335 cấp cho xe ô tô biển số 81C-180.27; số máy: D6CF36E4FC003302; số khung: LS1D476D6G0003406 do Phòng C5 công an tỉnh G cấp ngày 26/6/2020.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: EB 0402202 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Chi nhánh Công ty Cổ phần T20 cấp ngày 01/3/2024 cho xe ô tô tải biển số 81C-180.27.

- 01 (một) giấy bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số OTOBB243023969 do Công ty cổ phần B4 cấp ngày 01/3/2024 cho xe ô tô tải biển số 81C-180.27.

6) 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, màu xanh, nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 77H-012.45, số máy: D103850210207014757, số khung: LZZ1EXSB7MN770749. Xe ô tô được niêm phong theo quy định.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: EA 2120142 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới - Sở Giao thông vận tải tỉnh K cấp ngày 16/9/2023 cho xe ô tô tải biển số 77H-012.45; số máy: D103850210207014757; số khung: LZZ1EXSB7MN770749.

- 01 (một) giấy biên nhận thế chấp số 6830227 do Ngân hàng Thương mại cổ phần V3 chi nhánh tỉnh B cấp ngày 17/6/2023 cho bên thế chấp là Nguyễn Anh T8 - số CMND: 215064322. Thông tin tài sản thế chấp: giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông của xe ô tô tải biển số 77H-012.45.

7) 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, màu bạc, nhãn hiệu SHACMAN, biển kiểm soát 77C-236.63, số máy: WP10340E321615C024153, số khung: LZGJRHR67FX009299.

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 77000338 cấp cho xe ô tô biển số 77C-236.63; số máy: WP10340E321615C024153, số khung:

LZGJRHR67FX009299 do Công an huyện T cấp ngày 17/4/2024.

8) 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, màu nâu, nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 77C-243.41, số máy: D103850230307036487, số khung: LZZ1EXSB3PA122692.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: DB1645568 do Trung tâm Đ3 cấp ngày 13/3/2024 cho xe ô tô tải biển số 77C-243.41; số máy: D103850230307036487, số khung: LZZ1EXSB3PA122692.

9) 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, màu xám bạc, nhãn hiệu SHACMAN, biển kiểm soát 77H - 019.15, số máy: WP12400E501421E052681, số khung: LZGJR5U65MX089706.

10) 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 Plus có số máy NGA2CH/A; số Sê ri: DTRSG4V2G5QT.

11) 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 11S có số IMEI1: 868909057429188 và IMEI2: 868909057429196.

12) 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A11 có số máy: SMA115/DS; số sê ri: R9JN30S3H4J. Đồ vật được niêm phong theo quy định.

13) 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 Plus có số máy MKVE2LL/A, số sê-ri FCCR3 EWGRX5.

14) 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A51 có số Sêri: R58N130TB5B, số máy: SM-A515F/DSN.

15) 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 promax, số máy MQ9R3VN/A, số Sêri HT4GY9WFNL.

16) 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 promax, số máy MU793VN/A, Số Sêri JYK9LH4H9G.

Ngày 18/4/2025, căn cứ vào Kết luận điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B và đơn xin nhận lại tài sản của chủ sở hữu, Viện KSND tỉnh B đã ra Quyết định xử lý vật chứng về việc trả lại tài sản là xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-019.15, 77C-243.41 và các giấy tờ có liên quan cho chủ sở hữu là Đoàn Thế D3 và Nguyễn Đức H7.

Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2025/HS-ST ngày 22/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Đình Sa V, Nguyễn Đình Đ, Huỳnh Ngọc D1 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Bị cáo Dương Thanh C4 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Ngô Đình Sa V 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Đ 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc D1 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án

Căn cứ vào: Điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Dương Thanh C4 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/12/2025, Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ-VPT2 kháng nghị một phần bản án sơ thẩm

Các ngày 10,15 tháng 12 năm 2025, các bị cáo Ngô Đình Sa V, Huỳnh Ngọc D1, Nguyễn Đình Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Nguyễn Đình Đ còn kháng cáo xin trả lại 02 xe đứng tên vợ và con của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ngô Đình Sa V, Huỳnh Ngọc D1, Nguyễn Đình Đ giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo các bị cáo V, Đ; chấp nhận kháng cáo bị cáo D1 và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vì hám lợi nên trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2024 đến ngày 29/5/2024, lợi dụng việc thực hiện hợp đồng vận chuyển đổ thải vật liệu không thích hợp của Công ty S2 do mình quản lý, điều hành, V đã chủ mưu cùng với Đ, H4, Á1 thực hiện hành vi khai thác cát trái phép tại lòng sông Kôn khu vực chân cầu vượt cao tốc Bắc - Nam thuộc địa phận thôn M, xã N, thị xã A. Theo đó, V thuê Đ, Đ thuê D1 điều khiển xe máy đào (do Đ sở hữu) múc cát trái phép bán cho Đ, H4, Á1 với giá từ 1.200.000 đồng - 1.500.000 đồng/xe; rồi Đ, H4, Á1 bán lại cho người khác với giá từ 1.600.000 đồng - 2.200.000 đồng/xe nhằm thu lợi bất chính. Tổng khối lượng cát mà V, Đ, D1 khai thác trái phép là 5.957,9m³, trị giá 625.579.500 đồng; Đ thu lợi bất chính 9.360.000 đồng.

Đối với C4 trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N đã buông lỏng quản lý, không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, khi được người dân báo tin D1 điều khiển xe máy đào đang múc cát trái phép và báo với chính quyền xã N; Tổ công tác đã lập biên bản, tạm giữ xe máy đào và báo cáo với C4 - Chủ tịch UBND xã N. Nhưng C4 không chỉ đạo xác minh các tình tiết có liên quan của vụ việc để xử lý theo đúng quy định của pháp luật mà ra quyết định trả lại phương tiện (là xe máy đào) cho đối tượng vào ngày 04/5/2024; dẫn đến việc các đối tượng tiếp tục khai thác cát trái phép tại khu vực trên từ ngày 07/5/2024 đến 29/5/2024 với 2.952,4m³ cát, trị giá 310.002.000 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2025/HS-ST ngày 22/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo Ngô Đình Sa V, Nguyễn Đình Đ, Huỳnh Ngọc D1 đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật hình sự; bị cáo Dương Thanh C4 phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước về khai thác tài nguyên, khoáng sản, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[3] Vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó V là người khởi xướng, chủ mưu, điều hành, giữ vai trò chính; các bị cáo Đ, D1 là người thực hành giúp sức, bị cáo Đ thu lợi bất chính 9.360.000 đồng, bị cáo D1 là người lái xe thuê cho bị cáo Đ khai thác cát trái phép.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Các bị cáo Ngô V, Đ, D1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Ngô Đình Sa V, Huỳnh Ngọc D1 đã tự nguyện nộp một phần khắc phục hậu quả trong đó V nộp 20.000.000 đồng, D1 nộp 5.000.000 đồng. Bị cáo Đ đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 9.360.000 đồng; các bị cáo V, D1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo Ngô Đình Sa V, Huỳnh Ngọc D1 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo V đã nộp 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả; bị cáo D1 đã nộp 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

[6] Xe ô tô tải tự đổ, màu xanh, nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 77C-236.65, số máy: D103850230407000727, số khung: LZZIEXSBXPN. (không kiểm tra chất lượng bên trong. Xe ô tô được niêm phong theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 30/6/2024 của cơ quan An ninh điều tra tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai) là xe của anh Nguyễn Trí N2 con trai bị cáo Đ, việc sử dụng vào việc phạm tội anh Nguyễn Trí N2 không biết nên theo quy định điểm a,b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự thì trả lại cho anh Nguyễn Trí N2. Còn Xe ô tô biển kiểm soát 77C-042.28 tên chủ sở hữu bà Nguyễn Thị T1 vợ bị cáo Đ nên án sơ thẩm quyết định tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước là đúng quy định pháp luật.

[7] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định khoản 4 Điều 360 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn bị cấm đảm nhận chức vụ trong thời gian 01 đến 05 năm. Do đó, bị cáo C4 còn bị cấm đảm nhận chức vụ trong thời gian 01 năm nên kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và mức hình phạt Điều luật quy định; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo D1, Đ; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng và sửa bản án sơ thẩm.

[9] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo V, phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo D1, Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Đình Sa V; chấp nhận một kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Huỳnh Ngọc D1; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2025/HS-ST ngày 22/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Đình Sa V 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

3. Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

4. Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

4.1. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc D1 06 (S1) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, nhưng được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng (Mười hai) tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

4.2. Giao bị cáo Huỳnh Ngọc D1 cho UBND xã T, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định bị cáo thi hành hình phạt tù của Bản án đã cho bị cáo hưởng án treo.

5. Căn cứ Điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

5.1. Xử phạt bị cáo Dương Thanh C4 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5.2. Giao bị cáo Dương Thanh C4 cho UBND phường B, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định bị cáo thi hành hình phạt tù của Bản án đã cho bị cáo hưởng án treo.

5.3. Bị cáo Dương Thanh C4 cấm đảm nhận chức vụ trong thời gian 12 tháng.

6. Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

6.1. Trả lại 01 xe ô tô tải tự đổ, màu xanh, nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 77C-236.65, số máy: D103850230407000727, số khung: LZZIEXSBXPN (không

kiểm tra chất lượng bên trong). Xe ô tô được niêm phong theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 30/6/2024 của cơ quan An ninh điều tra tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai) cho anh Nguyễn Trí N2.

6.2. Tịch thu 01 xe ô tô tải tự đổ, màu xanh, nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 77C-042.28, số máy: WD61547151107010787, số khung: LZZ5EXSAIFN085870 (không kiểm tra chất lượng bên trong). Xe ô tô được niêm phong theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 30/6/2024 của cơ quan An ninh điều tra tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai).

7. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Ngô Đình Sa V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng. Các bị cáo Huỳnh Ngọc D1, Nguyễn Đình Đ không phải chịu.

8. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường